

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói dịch vụ: Cung cấp dịch vụ cổng thanh toán quốc tế giai
đoạn từ T05/2026 – T04/2029.
Bên mời chào giá: Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN

TIẾP THỊ VÀ BÁN SẢN PHẨM



Phạm Thị Nguyệt

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT	4
THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ	5
1. YÊU CẦU CHUNG VỀ SẢN PHẨM/DỊCH VỤ	6
1.1. Nội dung, danh mục sản phẩm/dịch vụ, số lượng.....	6
1.2. Yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm/dịch vụ.....	6
1.3. Thời gian thực hiện HĐ	6
2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH CỦA NCC	6
3. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC	6
3.1. Thành phần của bộ HSDX	6
3.2. Yêu cầu chào giá.....	7
3.2.1. Giá chào	7
3.2.2. Thư giảm giá	7
3.2.3. Biểu giá chào	7
3.2.4. Đồng tiền chào giá là USD hoặc VND. Đồng tiền đánh giá: VND.....	7
3.2.5. Điều kiện thanh toán	7
3.3. Làm rõ HSYC	7
3.4. Nộp HSDX.....	8
3.4.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX.....	8
3.4.2. Quy cách HSDX	8
3.4.3. Ngôn ngữ của HSDX: Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh.....	8
3.4.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX	8
3.5. Làm rõ HSDX	8
3.6. Đánh giá HSDX	9
3.7. Điều kiện để NCC được mời vào đàm phán.....	9
3.8. Điều kiện để NCC được lựa chọn.....	9
3.9. Thông báo kết quả LCNCC	9
3.10. Bảo mật thông tin	10
4. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX.....	10
4.1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX	10
4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm.....	10
4.3. Đánh giá về kỹ thuật.....	10
4.4. Đánh giá về giá	10
4.4.1. Bước 1. Xác định giá chào – BM03	10
4.4.2. Bước 2. Sửa lỗi số học được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:	10
4.4.3. Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo theo nguyên tắc sau:	11
4.4.4. Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá nếu có: (A).....	11

4.4.5. Bước 5. Xác định Giá đánh giá (G): VNA xác định Giá đánh giá của từng hạng mục và tất cả các phương án kết hợp có thể có theo HSDX trong trường hợp NCC chào giá nhiều hạng mục.	11
4.5. Xếp hạng NCC.....	12
4.6. Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại.....	12
5. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỘT SỐ HẠNG MỤC	12
5.1. Đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX.....	12
5.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.....	13
5.3. Yêu cầu về kỹ thuật và phương pháp đánh giá về kỹ thuật.....	14
CÁC BIỂU MẪU	17
ĐƠN CHÀO GIÁ	17
GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾	18
BIỂU GIÁ CHÀO	19
BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN.....	21
THƯ CAM KẾT PHẠT DO CHẠM TIẾN ĐỘ	22
CAM KẾT CỦA NCC.....	23
CAM KẾT CỦA NCC VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	24
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	25

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1.	HSDX	Hồ sơ đề xuất
2.	HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá
3.	NCC	Nhà cung cấp
4.	TCTHK/TCT/VNA	Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP
5.	VND	Đồng Việt Nam
6.	USD	Đô la Mỹ
7.	HĐ	Hợp đồng
8.	DV	Dịch vụ
9.	Ngày	Ngày dương lịch theo lịch
10.	PLHĐ	Phụ lục hợp đồng
11.	HHDV	Hàng hóa dịch vụ
12.	LCNCC	Lựa chọn nhà cung cấp
13.	TTBSP	Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm
14.	SLA	Service Level Agreement
15.	HTTT	Hình thức thanh toán
16.	Amadeus	Tập đoàn Công nghệ Amadeus -trụ sở tại Madrid, Tây Ban Nha. Công ty cung cấp các giải pháp phần mềm cho ngành du lịch và lữ hành toàn cầu, bao gồm hãng hàng không, khách sạn, đại lý du lịch và các doanh nghiệp liên quan.
17.	TMĐT	Thương mại điện tử

Số: ... /TCTHK-TTBSP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty.....

Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng và kính mời Quý công ty tham gia chào giá gói dịch vụ: “Dịch vụ công thanh toán quốc tế giai đoạn T05/2026-T04/2029”.

Các yêu cầu chi tiết về dịch vụ được nêu tại Hồ sơ yêu cầu gửi kèm theo.

Đề nghị quý NCC quan tâm gửi Hồ sơ đề xuất tới địa chỉ:

1. Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

- Thời gian hết hạn nhận hồ sơ đề xuất là: 14:00 ngày 18/11/2025. (Giờ Hà Nội).
- Địa chỉ nhận hồ sơ đề xuất: Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm - Tổng công ty Hàng không Việt Nam, 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội.
- 2. Đầu mối liên hệ của VNA: Bà Phạm Thị Nguyệt, điện thoại: (+84) 987576345, email: nguyetpt@vietnamairlines.com và Ông Nguyễn Tất Đạt, điện thoại (+84) 936343836, email: datnt@vietnamairlines.com và Bà Vũ Thị Thu Huyền, điện thoại (+84) 989935384, email: huyenvtt@vietnamairlines.com.

3. Nhận qua thư điện tử

- Thời gian hết hạn nhận hồ sơ đề xuất là: 14:00 ngày 18/11/2025 (Giờ Hà Nội).
- Hình thức nhận: NCC gửi thư điện tử đính kèm bản scan từ bản gốc HSDX tới địa chỉ email: Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email.
- Đầu mối liên hệ của VNA: Bà Phạm Thị Nguyệt, điện thoại: (+84) 987576345, email: nguyetpt@vietnamairlines.com và Ông Nguyễn Tất Đạt, điện thoại (+84) 936343836, email: datnt@vietnamairlines.com và Bà Vũ Thị Thu Huyền, điện thoại (+84) 989935384, email: huyenvtt@vietnamairlines.com.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN

TIẾP THỊ VÀ BÁN SẢN PHẨM



Phạm Thị Nguyệt

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ SẢN PHẨM/DỊCH VỤ

1.1. Nội dung, danh mục sản phẩm/dịch vụ, số lượng

- Gói: DV công thanh toán quốc tế giai đoạn từ T05/2026 - T04/2029.

+ Xử lý giao dịch công thanh toán. Doanh số và số lượng giao dịch của VNA ước tính như bảng sau:

	8T/2026	2027	2028	4T/2029	T05/2026 - T04/2029
Giá trị GD - online (tỷ VND)	17.869	30.826	35.893	14.233	98.821
SLGD - công quốc tế (số GD)	2.388.759	4.120.897	4.798.165	1.902.620	13.210.441

Giả định: Số lượng giao dịch (SLGD) bình quân tháng trong năm = SLGD năm chia số tháng thực hiện HĐ trong năm.

+ Phí triển khai/ kết nối hệ thống với NCC (nếu có).

1.2. Yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm/dịch vụ

Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật quy định tại Mục 5.3 HSYC.

1.3. Thời gian thực hiện HĐ

- Thời gian triển khai HĐ: tối đa năm (05) tháng kể từ ngày HĐ có hiệu lực.
- Thời gian sử dụng DV: 36 tháng kể từ ngày hoàn thành triển khai kết nối kỹ thuật (Thời điểm triển khai sử dụng dịch vụ có thể sớm hơn, tùy thuộc vào thời gian triển khai kết nối kỹ thuật của NCC).

2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH CỦA NCC

2.1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của nước sở tại, có ngành nghề hoạt động phù hợp phạm vi cung cấp của gói DV.

2.2. Có cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT tính đến thời điểm đóng chào giá.

2.3. Có bản cam kết không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu (đối với NCC Việt Nam) tính đến thời điểm đóng chào giá.

2.4. NCC tham gia chào giá với tư cách độc lập.

3. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC

3.1. Thành phần của bộ HSDX

- Bộ HSDX do NCC chuẩn bị bao gồm các tài liệu sau:

Mã tài liệu	Tên tài liệu	Tham chiếu
TL1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC, tính hợp lệ của HSDX	Mục 5.1
TL2	Tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm của NCC	Mục 5.2
TL3	Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của đánh giá kỹ thuật	Mục 5.3
TL4	Đơn chào giá	BM01
TL5	Giấy ủy quyền (chấp nhận Văn bản ủy quyền nội bộ của NCC – nếu có)	BM02
TL6	Biểu giá chào	BM03
TL7	Báo cáo các HĐ tương tự đã và đang thực hiện	BM04

Mã tài liệu	Tên tài liệu	Tham chiếu
TL8	Thư cam kết phạt do chậm tiến độ	BM05
TL9	Cam kết của NCC	BM06
TL10	Cam kết của NCC về chất lượng dịch vụ	BM07
TL11	Dự thảo hợp đồng	BM08
TL12	Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	
TL13	Các cam kết, tài liệu khác chứng minh tư cách và năng lực, kinh nghiệm của NCC	
TL14	Thư giảm giá (nếu có)	

3.2. Yêu cầu chào giá

3.2.1. Giá chào

Giá chào là giá do NCC nêu trong Đơn chào giá (BM01) kèm theo Biểu giá chào (BM03) sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Đơn chào giá hoặc Thư giảm giá (nếu có).

Nguyên tắc chào giá: NCC chào giá trọn gói với hạng mục DV triển khai kết nối với hệ thống của NCC (nếu có) và 1 chào giá với hạng mục DV xử lý giao dịch.

3.2.2. Thư giảm giá

Nộp cùng HSDX

Trường hợp Thư giảm giá nộp trước thời điểm đóng chào giá, Thư giảm giá sẽ được đưa vào xác định giá tại bước xếp hạng NCC lần thứ nhất theo quy định tại Mục 4.4 và 4.5.

Trường hợp Thư giảm giá nộp tại thời điểm Đàm phán theo quy định tại Mục 4.6 và NCC là một trong 3 NCC xếp hạng cao nhất tại bước xếp hạng lần 1, Thư giảm giá sẽ được xem xét làm cơ sở đàm phán giá gói dịch vụ để làm căn cứ xếp hạng NCC.

3.2.3. Biểu giá chào

Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo mẫu BM03, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của NCC, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (Đã bao gồm thuế, phí).

TCT tính toán/ hiệu chỉnh các loại thuế, phí và đưa vào nội dung đánh giá đảm bảo tính đúng, tính đủ. Nếu được công nhận trúng chào giá thì NCC phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

3.2.4. Đồng tiền chào giá là USD hoặc VND. Đồng tiền đánh giá: VND.

3.2.5. Điều kiện thanh toán

Thanh toán theo hình thức chuyển khoản và được thực hiện như sau:

- Đối với phí triển khai/phí kết nối hệ thống (nếu có): Thanh toán toàn bộ giá trị phí triển khai/phí kết nối hệ thống sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu tổng thể.
- Phí dịch vụ định kỳ: thanh toán theo tháng, định kỳ vào ngày 20 của tháng tiếp theo, bằng hình thức chuyển khoản.

3.3. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi đề nghị làm rõ bằng email đảm bảo TCT nhận được trước tối thiểu năm (05) ngày trước thời hạn nộp HSDX quy định tại Mục 3.4. Nội dung làm rõ HSYC sẽ được TCT gửi tới các NCC và đăng tải trên website TCT tối thiểu ba (03) ngày trước ngày hết hạn nộp HSDX.

Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì TCT sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các NCC đã nhận HSYC và đăng tải trên

website TCT không muộn hơn ba (03) ngày trước thời hạn nộp HSDX.

Ngôn ngữ của HSYC là tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự xung đột giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên hơn.

3.4. Nộp HSDX

3.4.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX

- Thời hạn nộp HSDX: trước 14:00 giờ, ngày 13/11 /2025 (Giờ Hà Nội). HSDX gửi đến sau thời hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
- Hiệu lực của HSDX: 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.

3.4.2. Quy cách HSDX

Nộp bản gốc (nộp trực tiếp) hoặc hồ sơ scan từ bản gốc (nộp qua email). Hồ sơ phải đảm bảo có chữ ký của người đại diện pháp luật của NCC hoặc người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền cần tuân thủ theo mã tài liệu số TL05 tại Mục 3.1.

3.4.3. Ngôn ngữ của HSDX: Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh.

3.4.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX

Thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

3.4.4.1. Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ:

- *Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.*
- *Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà VN2, số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Hà Nội.*
- *Đầu mối liên hệ:* Bà Phạm Thị Nguyệt, điện thoại: (+84) 987576345, email: nguyetpt@vietnamairlines.com và Ông Nguyễn Tất Đạt, điện thoại (+84) 936343836, email: datnt@vietnamairlines.com và Bà Vũ Thị Thu Huyền, điện thoại (+84) 989935384, email: huyenvtt@vietnamairlines.com.

3.4.4.2 Nộp HSDX bằng cách gửi thư điện tử đính kèm bản scan từ bản gốc HSDX tới địa chỉ:

- *Email: nguyetpt@vietnamairlines.com, datnt@vietnamairlines.com, và huyenvtt@vietnamairlines.com.*
- *Tiêu đề: “Công ty... nộp HSDX gói DV công thanh toán quốc tế giai đoạn từ T05/2026 - T04/2029”.*
- Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email, nhà cung cấp có thể gửi tách nhiều email trong trường hợp dung lượng file đính kèm vượt quá 20 MB.

Trường hợp NCC gửi HSDX theo cả hai phương thức nêu trên và đều đến trước thời hạn nộp HSDX thì TCT sẽ đánh giá HSDX hợp lệ được gửi đến sau cùng.

3.5. Làm rõ HSDX

Trong quá trình đánh giá HSDX, TCT có thể yêu cầu NCC bổ sung, làm rõ nội dung của HSDX với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

Tài liệu không được phép bổ sung bao gồm: Đơn chào giá và Biểu giá chào.

Tài liệu được phép bổ sung: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy đăng ký hoạt động có ngành nghề hoạt động phù hợp phạm vi cung cấp của gói DV; giấy ủy quyền (văn bản điều hành chung của NCC; lưu ý: giấy ủy quyền sự vụ không được chấp nhận), các cam kết, tài liệu chứng minh về tư cách, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật (NCC được bổ sung tài liệu về kỹ thuật của dịch vụ đã chào trong HSDX, không bổ sung tài liệu kỹ thuật không được chào trong HSDX để thay thế kỹ thuật đã chào)

của NCC.

Trong trường hợp xét thấy cần thiết, TCT có thể yêu cầu NCC gia hạn hiệu lực của HSĐX. Nếu NCC từ chối việc gia hạn HSĐX, HSĐX sẽ không được xem xét đánh giá ở các bước tiếp theo.

Hình thức làm rõ HSĐX: Làm việc trực tiếp với NCC để trao đổi và ký biên bản làm việc hoặc gửi văn bản/email yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản/email. Những tài liệu làm rõ được lưu coi như một phần của HSĐX. Trường hợp NCC không làm rõ theo thời hạn thì nội dung yêu cầu làm rõ được đánh giá theo HSĐX của NCC.

3.6. Đánh giá HSĐX

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện lần lượt theo các bước quy định tại Mục 4, bao gồm:

- Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX
- Đánh giá năng lực, kinh nghiệm
- Đánh giá về kỹ thuật
- Đánh giá về giá
- Xếp hạng NCC
- Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại.

3.7. Điều kiện để NCC được mời vào đàm phán

NCC có HSĐX đáp ứng yêu cầu về:

- (i) Tính hợp lệ của HSĐX
- (ii) Năng lực, kinh nghiệm
- (iii) Yêu cầu kỹ thuật
- (iv) Giá chào nhỏ hơn hoặc bằng giá kế hoạch

Trường hợp có 3 NCC trở lên đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ mời 3 NCC xếp hạng cao nhất vào đàm phán. Trường hợp có ít hơn 3 NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ đàm phán với tất cả các NCC đáp ứng yêu cầu.

Hình thức đàm phán: Đàm phán trực tiếp hoặc đàm phán gián tiếp qua email. Trường hợp Đàm phán qua email, NCC gửi Hồ sơ đàm phán về địa chỉ email: nguyetpt@vietnamairlines.com; datnt@vietnamairlines.com; huyenvtt@vietnamairlines.com. Hồ sơ đàm phán gửi sau thời hạn yêu cầu sẽ không được mở để đưa vào đánh giá xem xét.

3.8. Điều kiện để NCC được lựa chọn

- Có tư cách NCC, HSĐX hợp lệ
- Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm
- Đáp ứng yêu cầu về yêu cầu kỹ thuật
- NCC được xếp hạng thứ nhất sau đàm phán và được cấp có thẩm quyền của TCT phê duyệt.
- Có giá chào (i) sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và (ii) sau khi đàm phán thấp nhất và không vượt giá trị kế hoạch của gói chào giá được duyệt.

3.9. Thông báo kết quả LCNCC

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NCC, TCTHK gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn NCC đến tất cả các NCC tham gia nộp HSĐX mà

không cần nêu lý do NCC trúng/trượt chào giá. Đối với NCC được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm hoàn thiện hợp đồng.

- TCTHK có quyền chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ HSĐX nào hoặc hủy bỏ quá trình chào giá và từ chối tất cả các HSĐX bất cứ thời điểm nào trước thời điểm thỏa thuận Hợp đồng, mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với NCC cũng như không cần giải thích lý do cho NCC. TCTHK sẽ thông báo cho NCC trong trường hợp hủy bỏ tất cả các HSĐX hoặc hủy bỏ quá trình lựa chọn NCC.

3.10. Bảo mật thông tin

Thông tin liên quan đến HSYC và việc đánh giá HSĐX phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho bất kỳ cá nhân/tổ chức nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn NCC. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSYC, HSĐX cho NCC khác.

4. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSĐX

Việc đánh giá HSĐX được Bên mời chào giá thực hiện theo trình tự như sau:

4.1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

Việc đánh giá tính hợp lệ của HSĐX được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSĐX quy định chi tiết tại Mục 5.1.

HSĐX sẽ bị loại nếu không đáp ứng một trong các nội dung về Tiêu chuẩn đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSĐX quy định chi tiết tại Mục 5.1. HSĐX đáp ứng tất cả các nội dung nói trên sẽ được xem xét đánh giá năng lực, kinh nghiệm tại Mục 5.2.

4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm

Việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm quy định chi tiết tại Mục 5.2.

HSĐX sẽ bị loại nếu không đạt một trong các nội dung về Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm quy định chi tiết tại Mục 5.2. HSĐX đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét đánh giá về kỹ thuật theo Mục 5.3.

4.3. Đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá nêu chi tiết tại Mục 5.3. Chỉ những HSĐX vượt qua vòng đánh giá về kỹ thuật mới được đưa vào đánh giá về giá theo Mục 4.4.

4.4. Đánh giá về giá

4.4.1. Bước 1. Xác định giá chào – BM03

4.4.2. Bước 2. Sửa lỗi số học được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

– Lỗi số học:

Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói DV, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC trong quá trình thực hiện hợp đồng.

– Các lỗi khác:

- + Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng. Khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền

sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào. Nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3.

- + Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại trên cơ sở làm rõ với NCC cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC.
- + Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi TCT cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại.
- + Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền.
- + Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

4.4.3. **Bước 3.** Hiệu chỉnh sai lệch theo theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp Biểu giá chào không bao gồm các loại thuế, phí thì TCT sẽ chủ động tính toán và đưa vào nội dung đánh giá đảm bảo tính đúng, tính đủ.
- Trường hợp NCC có Thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào.

4.4.4. **Bước 4.** Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá nếu có: (A).

Giảm giá (nếu có) gồm giảm giá với số tiền hoặc tỷ lệ phần trăm giảm giá/Phí triển khai và/hoặc Phí sử dụng và/hoặc các hình thức giảm giá khác có thể quy đổi trực tiếp thành tiền dùng để thanh toán cho hợp đồng này.

4.4.5. **Bước 5.** Xác định Giá đánh giá (G): VNA xác định Giá đánh giá của từng hạng mục và tất cả các phương án kết hợp có thể có theo HSĐX trong trường hợp NCC chào giá nhiều hạng mục.

Công thức giá đánh giá: $G = G1 + G2 + G3 + G4 - G5$

Trong đó:

- + **G1:** phí dịch vụ mà VNA trả cho NCC trong thời gian thực hiện hợp đồng
 $G1 = \sum(\text{đơn giá tính theo số lượng giao dịch} \times \text{số lượng giao dịch} + \text{đơn giá tính theo doanh số} \times \text{doanh số giao dịch} + \text{đơn giá tính theo tháng hoặc quý hoặc năm} \times \text{tháng hoặc quý hoặc năm theo tổng thời gian thực hiện hợp đồng})$ mà NCC chào tại mục 1.1 của BM03.
- + **G2:** phí triển khai/ phí kết nối hệ thống với NCC mà NCC chào tại mục 1.2 của BM03.
- + **G3:** phí triển khai kết nối hệ thống VNA trả cho Amadeus
 $G3 = 82.688 \text{ USD}$ trong trường hợp NCC chưa cung cấp dịch vụ công thanh toán thẻ quốc tế cho kênh TMĐT của VNA.
 $G3 = 0$ trong trường hợp NCC đang cung cấp dịch vụ công thanh toán thẻ quốc tế cho kênh TMĐT của VNA.

Cụ thể: NCC đang cung cấp dịch vụ công thanh toán thẻ quốc tế cho kênh TMĐT của VNA là Adyen.

+ **G4:** phí giao dịch phải trả cho đối tác thu hộ cho VNA

G4 = 356.463 USD trong trường hợp NCC đang không cung cấp dịch vụ thu hộ cho kênh TMĐT của VNA.

G4 = 0 USD trong trường hợp NCC cung cấp dịch vụ thu hộ cho kênh TMĐT của VNA.

Cụ thể: NCC đang cung cấp dịch vụ thu hộ cho kênh TMĐT của VNA là Adyen và VCB.

+ **G5:** giá trị giảm giá, tài trợ mà NCC chào tại mục 2 của BM03.

Tỷ giá áp dụng USD/VND = 25.750.

4.5. Xếp hạng NCC

HSĐX đáp ứng về tư cách NCC, năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật, có giá đánh giá G thấp nhất và (G1 + G2 – G5 + thuế nhà thầu nước ngoài) không vượt giá kế hoạch được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp NCC có giá đánh giá bằng nhau thì NCC có điều kiện thương mại tốt hơn sẽ xếp hạng cao hơn.

Thuế nhà thầu nước ngoài được tính theo công thức sau:

Số	Nội dung	Công thức tính
1	Giá trị tính thuế	G1+G2-G5
2	Thuế TNDN nhà thầu	$((1)/(100\%-5\%)) \times 5 \%$
3	Thuế GTGT nhà thầu	$((1) + \text{thuế TNDN nhà thầu}) / (100\% - 5\%) \times 5 \%$
4	Tổng phí DV (bao gồm thuế nhà thầu)	(1) + (2) + (3)

4.6. Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại

Căn cứ vào danh sách các NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ tiến hành đàm phán theo quy định tại Mục 3.7.

Việc đàm phán dựa trên các cơ sở sau đây:

- HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của NCC.
- HSYC, bao gồm Dự thảo hợp đồng kèm theo. Dự thảo hợp đồng này là một phần không tách rời của HSYC và là căn cứ để đàm phán, hoàn thiện hợp đồng chính thức giữa TCT và NCC được lựa chọn.

Các nội dung đàm phán bao gồm giảm giá và đạt được các điều kiện tốt hơn về kỹ thuật, thương mại.

TCT xếp hạng lại các NCC trên cơ sở kết quả đàm phán. Trong trường hợp NCC có giá đánh giá sau đàm phán bằng nhau thì NCC có điều kiện thương mại tốt hơn sẽ xếp hạng cao hơn.

5. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỘT SỐ HẠNG MỤC

5.1. Đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSĐX

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
1.	HSĐX được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX	Đáp ứng	Không đáp ứng	Thời hạn quy định tại Mục 3.4 HSYC
2.	HSĐX được người đại diện hợp pháp ký (hoặc người được ủy quyền)	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá và Giấy ủy quyền (nếu có)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
	ký kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ)			
3.	Yêu cầu về tư cách tham gia chào giá của NCC	Tham gia với tư cách độc lập	Tham gia với tư cách liên danh	HSDX
4.	NCC không vướng tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT và NCC không bị cấm tham gia tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.	Có cam kết	Không cam kết	NCC cam kết bằng văn bản theo BM06
5.	Đồng tiền chào giá là USD hoặc VND	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá
6.	Ngôn ngữ chào giá là Tiếng Việt và/hoặc Tiếng Anh. Trong trường hợp HSDX sử dụng cả Tiếng Việt và Tiếng Anh, Tiếng Việt là cơ sở chính để đánh giá, tham chiếu	Đáp ứng	Không đáp ứng	HSDX
7.	Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 3.4.1	≥ 120 ngày	< 120 ngày	Đơn chào giá
8.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp có ngành nghề hoạt động phù hợp phạm vi cung cấp của gói DV và Giấy phép cung cấp dịch vụ thanh toán/dịch vụ trung gian thanh toán được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật	Có	Không có	Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp và Giấy phép cung cấp dịch vụ thanh toán/dịch vụ trung gian thanh toán được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

5.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
1.	NCC có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ công thanh toán cho hình thức thanh toán thẻ quốc tế và các hình thức thanh toán bản địa khác (VD: MoMo, KCP, Alipay, Wechatpay, Unionpay, Sofort, Konbini) cho các hãng hàng không trên toàn cầu	Có	Không	Danh sách các hãng hàng không đang sử dụng dịch vụ (theo BM04), cùng với bản sao hợp đồng. Trong đó có ít nhất 01 hãng hàng không có quy mô tương đương VNA (sản lượng khách

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
				vận chuyển > 20 triệu/năm). Trong trường không thể cung cấp bản sao hợp đồng, NCC cung cấp thư xác nhận của hãng hàng không và/hoặc tin tức, thông cáo báo chí.
2.	NCC có khả năng cung cấp hệ thống giám sát gian lận hoặc hệ thống cảnh báo Giao dịch nghi ngờ gian lận	Có	Không	Văn bản cam kết theo BM06; và văn bản mô tả giải pháp
3.	NCC cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tổ chức thẻ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ xử lý giao dịch thẻ, bao gồm và không giới hạn: PCI DSS	Có cam kết	Không cam kết	NCC cung cấp tài liệu liên quan
4.	NCC cam kết triển khai dịch vụ trong vòng tối đa (05) tháng kể từ ngày HĐ có hiệu lực	Có cam kết	Không cam kết	Văn bản cam kết theo BM05
5.	Nhà cung cấp cam kết cung cấp đào tạo và hướng dẫn sử dụng cho hệ thống.	Có cam kết	Không cam kết	Văn bản cam kết theo BM06
6.	Năng lực tài chính của NCC	Có ít nhất 1 năm trong 3 năm trở lại đây có tổng tài sản ≥ 200 triệu USD và/ hoặc có vốn chủ sở hữu > 20 triệu USD	(i) Không cung cấp đủ BCTC trong 03 năm hoặc (ii) Tổng tài sản < 200 triệu USD và/hoặc vốn chủ sở hữu < 20 triệu USD	Báo cáo tài chính các năm 2022, 2023, 2024

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

5.3. Yêu cầu về kỹ thuật và phương pháp đánh giá về kỹ thuật

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
1.	NCC cung cấp môi trường thử nghiệm mô phỏng thực tế để kiểm tra tích hợp trước khi triển khai thật	Có	Không	Văn bản mô tả giải pháp
2.	NCC có khả năng cung cấp hệ thống giám sát gian lận hoặc hệ thống cảnh báo Giao dịch nghi ngờ gian lận	Có cam kết	Không cam kết	Văn bản cam kết theo BM06; và văn bản mô tả giải pháp

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
3.	NCC cung cấp giải pháp kỹ thuật để xử lý giao dịch thanh toán trực tuyến cho TCTHK áp dụng cho các hình thức thanh toán: - Giao dịch thẻ Visa, MasterCard, American Express, JCB, UATP, Diners/Discover phát hành toàn cầu; - Các giao dịch thanh toán bản địa khác: UnionPay, Alipay, WechatPay, MoMo, NHN KCP, Sofort, Konbini.	Có	Không	Văn bản cam kết theo BM06; và văn bản mô tả giải pháp
4.	NCC cung cấp giải pháp kỹ thuật để xử lý giao dịch thanh toán đối với các đồng tiền bán, bao gồm và không giới hạn: AUD, CAD, CHF, CNY, DKK, EUR, GBP, HKD, IDR, JPY, KRW, MOP, MYR, NOK, RUB, SEK, SGD, THB, TWD, USD, VND, AED, INR	Có	Không	Văn bản cam kết theo BM06; và Văn bản mô tả giải pháp
5.	NCC có bộ phận 24/7 hỗ trợ tiếp nhận và xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, vận hành.	Có	Không	Văn bản mô tả giải pháp
6.	Báo cáo xử lý giao dịch được gửi hàng ngày cho TCTHK thông qua SFTP (Secure File Transfer Protocol)	Có	Không	Văn bản mô tả giải pháp
7.	NCC cung cấp hệ thống back-end quản trị dữ liệu và có các chức năng: - Phân quyền tài khoản truy cập với các nhóm chức năng; - Theo dõi giao dịch, đối soát và trạng thái hệ thống theo thời gian thực thông qua dashboard; - Ghi nhận theo thời gian thực khi có thay đổi trạng thái giao dịch (thành công, thất bại, hoàn tiền...); - Gửi cảnh báo khi phát hiện lỗi, thất bại hoặc chỉ số vượt ngưỡng; - Trích xuất báo cáo cho giai đoạn cụ thể; - Lưu trữ dữ liệu và tìm kiếm, tra soát thông tin giao dịch trong tối thiểu 02 năm;	Có	Không	Văn bản mô tả giải pháp

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
	- Tạo link thanh toán (pay by link); - Chức năng webhook thông báo notification theo thời gian thực.			
8.	NCC có kết nối API sẵn cho: - giao dịch thẻ quốc tế - giao dịch thanh toán nội địa khác với Amadeus cho giao dịch bán và giao dịch hoàn (hoàn toàn bộ hoặc hoàn 1 phần)	Có	Không	Văn bản mô tả giải pháp hoặc xác nhận của Amadeus
9.	NCC có kết nối sẵn với các NCC dịch vụ thu hộ: - Giao dịch thẻ quốc tế: Adyen và MPGS (thẻ quốc tế); - Giao dịch các HTTT bản địa: MoMo, NHN KCP.	Có	Không	Văn bản mô tả giải pháp
10	Cam kết cung cấp chất lượng dịch vụ SLA tối thiểu 99.5%	Có cam kết	Không cam kết	Văn bản cam kết theo BM07

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 1 (BM01)

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên Bên mời chào giá*]
(sau đây gọi là *Bên mời chào giá*)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], cam kết thực hiện: gói sản phẩm/dịch vụ ____ [*Ghi tên gói hàng hóa, dịch vụ*] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá với số tiền hoặc tỷ lệ phần trăm giảm giá/Phí triển khai và/hoặc Phí sử dụng và/hoặc các hình thức giảm giá khác có thể quy đổi trực tiếp thành tiền dùng để thanh toán cho hợp đồng này là ____ [*Ghi số tiền hoặc tỷ lệ % giảm giá, nếu có*].

Giá chào sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (Chưa bao gồm thuế phí) [*Ghi số tiền sau giảm giá, nếu có*].

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 120 ngày [*một trăm hai mươi ngày*], kể từ 14:00 giờ, ngày 18 tháng 11 năm 2025 [*Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà cung cấp bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định của Nhà nước.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____
Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói sản phẩm/dịch vụ] do ____ [Ghi tên Bên mời chào giá] tổ chức:

- Ký đơn Chào giá, Biểu giá chào;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu
có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

BIỂU GIÁ CHÀO

1. Nội dung cung cấp

DV công thanh toán quốc tế giai đoạn từ T05/2026 - T04/2029. Ước tính doanh số và số lượng giao dịch như bảng sau:

	8T/2026	2027	2028	4T/2029	T5/2026 - T4/2029
Giá trị GD - online (tỷ VND)	17.869	30.826	35.893	14.233	98.821
SLGD - công quốc tế (số GD)	2.388.759	4.120.897	4.798.165	1.902.620	13.210.441

Giả định: Số lượng giao dịch (SLGD) bình quân tháng trong năm = SLGD năm chia số tháng thực hiện HĐ trong năm.

1.1. Đơn giá chào dịch vụ xử lý giao dịch (chưa bao gồm thuế phí).

STT	Nội dung	Phí
a.	Phí xử lý giao dịch	
b.	Phí khác (nếu có)	

1.2. Phí triển khai/kết nối hệ thống (chưa bao gồm thuế phí) – nếu có.

1.3. Tổng giá chào bao gồm thuế phí

STT	Nội dung	Tổng
1	Tổng giá chào (chưa bao gồm thuế phí) = (1.1) + (1.2)	
1.1	Tổng phí xử lý giao dịch (chưa bao gồm thuế, phí)	
1.2	Phí triển khai/kết nối hệ thống (chưa bao gồm thuế, phí)	
2	Thuế nhà thầu nước ngoài = (2.1) + (2.2) (*)	
2.1	Thuế TNDN = $(1) / (100\% - 5\%) \times 5\%$	
2.2	VAT = $((1) + \text{thuế TNDN}) / (100\% - 5\%) \times 5\%$	
3	Tổng giá chào bao gồm thuế nhà thầu = (1) + (2)	

Ghi chú:

(1.1) Áp dụng công thức tính G1 tại Mục 4.4.5 HSYC

(*) Thuế nhà thầu nước ngoài tại mục này được TCT nộp thay cho NCC.

Trường hợp NCC không xác định được thuế nhà thầu nước ngoài cho gói DV, VNA sẽ xác định thuế nhà thầu nước ngoài để tính tổng giá trị gói DV bao gồm thuế nhà thầu.

2. Các đề xuất giảm giá và giá trị giảm giá, tài trợ (nếu có).

3. Hiệu lực của biểu giá chào là 120 ngày kể từ thời điểm 14:00 giờ, ngày 18 tháng 11 năm 2025 [Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

Tên nhà cung cấp: _____

STT	Tên khách hàng	Sản phẩm dịch vụ cung cấp	Hiệu lực HĐ (từ..đến..)	Tên và địa chỉ liên lạc của khách hàng để VNA làm rõ và tham khảo ý kiến	Là Airlines (Có/ Không)
1					
2					
3					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

THƯ CAM KẾT PHẠT DO CHẬM TIẾN ĐỘ

NCC cam kết hoàn thành triển khai kết nối API với Amadeus cho giao dịch bán và giao dịch hoàn (hoàn toàn bộ hoặc hoàn 1 phần) trong tối đa năm (05) tháng, kể từ ngày hai Bên ký Hợp đồng.

Trong trường hợp dịch vụ không được triển khai theo đúng cam kết của NCC do lỗi từ phía NCC, NCC cam kết:

Trả khoản tiền phạt do chậm tiến độ là 8% giá trị Chi phí thanh toán tính theo mức phí quy định tại hợp đồng giữa VNA và NCC với Số lượng giao dịch hoặc Giá trị giao dịch thông qua hình thức thanh toán cung cấp bởi NCC trong số ngày chậm tiến độ theo cam kết.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

CAM KẾT CỦA NCC

Tên NCC:

Sau khi nghiên cứu kỹ HSYC gói dịch vụ “DV cổng thanh toán quốc tế giai đoạn từ T05/2026 – T04/2029” và căn cứ trên các sản phẩm chào cho TCT, chúng tôi cam kết:

1	Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT	☐
2	Không bị cấm tham gia tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (đối với NCC Việt Nam)	☐
3	Nhà cung cấp cam kết cung cấp đào tạo và hướng dẫn sử dụng cho hệ thống.	☐
4	NCC có khả năng cung cấp hệ thống giám sát gian lận hoặc hệ thống cảnh báo Giao dịch nghi ngờ gian lận	☐
5	NCC cung cấp giải pháp kỹ thuật để xử lý giao dịch thanh toán trực tuyến cho TCTHK áp dụng cho các hình thức thanh toán: - Giao dịch thẻ Visa, MasterCard, American Express, JCB, UATP, Diners/Discover phát hành toàn cầu; - Các giao dịch thanh toán bản địa khác: UnionPay, Alipay, WechatPay, MoMo, NHN KCP, Sofort, Konbini.	☐
6	NCC cung cấp giải pháp kỹ thuật để xử lý giao dịch thanh toán đối với các đồng tiền bán, bao gồm và không giới hạn: AUD, CAD, CHF, CNY, DKK, EUR, GBP, HKD, IDR, JPY, KRW, MOP, MYR, NOK, RUB, SEK, SGD, THB, TWD, USD, VND, AED	☐

Ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của NCC*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

CAM KẾT CỦA NCC VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Tên NCC:

Sau khi nghiên cứu kỹ HSYC gói dịch vụ “DV cổng thanh toán quốc tế giai đoạn từ T05/2026-T04/2029” và căn cứ trên các sản phẩm chào cho TCT, chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng dịch vụ SLA tối thiểu 99.5%

Ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

The draft contract which form part of the tender package shall be the basis for any contract between Vietnam Airlines and the selected Tenderer. The details of terms and conditions shall be discussed and agreed by both contracting parties.

MERCHANT/MASTER AGREEMENT

This Agreement is entered into as of [date], between:

Name of Supplier: represented by:

VIETNAM AIRLINES JSC, a company organized and existing under the laws of Vietnam, which has headquarter at 200 Nguyen Son, Bo De Ward, Hanoi City, Vietnam (**'MERCHANT'**), represented by:

(**name of supplier**) and **MERCHANT** being referred to herein collectively as **'the Parties'** and individually as **'Party'**.

Preamble

WHEREAS, Supplier desires to provide the Services on the terms and conditions set forth herein.

NOW, THEREFORE, in consideration of the foregoing and the mutual promises set forth herein and intending to be legally bound, the Parties agree as follows:

Article 1. Definitions

Whenever used herein, the following words and expressions should be construed as defined below and, in the text, hereof they are capitalized in order to emphasize that they are defined in this Article 1:

- 1.1. **Agreement** means this Agreement including all Appendices.
- 1.2. **Agreement Effective Date**
- 1.3. **Agreement Signing Date** means the last date when both Parties signed the Agreement.
- 1.4. **Appendix** means any document incorporated herein, listed later in this document in the Article .

Article 2. Scope of Service

Article 3. Terms and Conditions

Article 4. The Parties' obligations

Article 5. Remuneration, Taxes and payment for the Services

Article 6. Integration

Article 7. Transaction processing, Chargeback processing

Article 8. Term and Termination

Article 9. Confidentiality of Information

Article 10. Customer Support

Article 11. Service Level Agreement

Article 12. Liability, Indemnification and Fines

Article 13. Dispute Resolution

Article 14. Governing Law and Jurisdiction

Article 15. Notices

Article 16. Marketing

Article 17. Micellaneous

17.1. This Agreement is the entire agreement between the Parties and there are no terms and conditions, either oral or written, other than those included herein.

17.2. This Agreement and any legal matters that may arise out of or in connection with this Agreement shall be subject to and construed exclusively in accordance with the laws of Singapore. All disputes arising out of or in connection with this Agreement shall be finally settled under the Rules of Arbitration of the Singapore International Arbitration Centre ("SIAC"). The resolution of the arbitration shall be final and binding on the Parties and may be entered and enforced in any court of competent jurisdiction.

17.3. The Agreement and its Appendixes constitutes the entire Agreement between the Parties.

In the event of conflict or inconsistency between the terms and conditions of the Agreement, any appendixes, any other document incorporated upon the Agreement, then such conflict will be resolved by giving precedence to such different parts of this Agreement.

Article 19. List of Appendices

Signed on behalf of MERCHANT

Name:

Title:

Signature: _____

Signed on behalf of SUPPLIER

Name:

Title:

Signature: _____